

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công nhận tốt nghiệp Cao đẳng và cấp bằng Cao đẳng
cho sinh viên khóa tuyển sinh năm 2017
hình thức đào tạo vừa làm vừa học**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Căn cứ Nghị định số 32/CP ngày 04/4/1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐĐH ngày 12/7/2021 của Hội đồng Đại học Đà Nẵng về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Đà Nẵng và Nghị quyết số 13/NQ-HĐĐH ngày 07/9/2021 của Hội đồng Đại học Đà Nẵng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-HĐT ngày 08/6/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, kèm theo Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Thông tư 06/2017/TT-BGDĐT ngày 15/3/2017 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy chế đào tạo vừa làm vừa học trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 551/QĐ-ĐHSP ngày 13/5/2022 của Hiệu trưởng Trường ĐHSP-ĐHĐN về việc thành lập Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp đợt tháng 5/2022, trình độ đại học và cao đẳng, hình thức đào tạo vừa làm vừa học;

Căn cứ biên bản họp xét công nhận tốt nghiệp ngày 21/6/2022 của Hội đồng xét và công nhận tốt nghiệp đợt tháng 6/2022, trình độ đại học và cao đẳng, hình thức đào tạo vừa làm vừa học;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp Cao đẳng và cấp bằng Cao đẳng cho **03** (ba) sinh viên, hình thức đào tạo vừa làm vừa học, khóa tuyển sinh năm 2017, cụ thể:

Ngành Giáo dục Mầm non

- Tại Trường Đại học Sư phạm

Có **03** (ba) sinh viên.

(có danh sách kèm theo)

Điều 2. Thủ trưởng các đơn vị liên quan và sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 (để thực hiện);
- ĐHĐN (để báo cáo);
- BGH (để biết)
- Lưu: VT, ĐT.



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Lưu Trang

DANH SÁCH SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CAO ĐẲNG VÀ CẤP BẰNG CAO ĐẲNG
(Kèm theo Quyết định số 318 /QĐ - ĐHSP ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hiệu trưởng
Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

Stt	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Hà Lan Anh	01/07/1999	2,44	Trung bình	3019/QĐ-ĐHĐN ngày 12/9/2017 1

Ấn định danh sách này có 01 (một) sinh viên, trong đó:

Xếp loại Xuất sắc 0 /1

Xếp loại Giỏi 0 /1

Xếp loại Khá 0 /1

Xếp loại Trung bình 1 /1

 **HIỆU TRƯỞNG**

PGS.TS. Lưu Trang

**DANH SÁCH SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CAO ĐẲNG VÀ CẤP BẰNG CAO ĐẲNG**

(Kèm theo Quyết định số 918 /QĐ-ĐHSP ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hiệu trưởng

Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

Stt	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	02/03/1998	2,82	Khá	3735/QĐ-ĐHĐN ngày 07/11/2017 1
2	Trần Thị Thu Hà	03/07/1998	2,98	Khá	3735/QĐ-ĐHĐN ngày 07/11/2017 10

Ấn định danh sách này có 2 (hai) sinh viên, trong đó:

Xếp loại Xuất sắc 0 /2

Xếp loại Giỏi 0 /2

Xếp loại Khá 2 /2

Xếp loại Trung bình 0 /2



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Lưu Trang

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp Đại học và cấp bằng Cử nhân
cho sinh viên khóa tuyển sinh năm 2017
hình thức đào tạo vừa làm vừa học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Căn cứ Nghị định số 32/CP ngày 04/4/1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐĐH ngày 12/7/2021 của Hội đồng Đại học Đà Nẵng về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Đà Nẵng và Nghị quyết số 13/NQ-HĐĐH ngày 07/9/2021 của Hội đồng Đại học Đà Nẵng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-HĐT ngày 08/6/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, kèm theo Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Thông tư 06/2017/TT-BGDĐT ngày 15/3/2017 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy chế đào tạo vừa làm vừa học trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 551/QĐ-ĐHSP ngày 13/5/2022 của Hiệu trưởng Trường ĐHSP-ĐHĐN về việc thành lập Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp đợt tháng 5/2022, trình độ đại học và cao đẳng, hình thức đào tạo vừa làm vừa học;

Căn cứ biên bản họp xét công nhận tốt nghiệp ngày 21/6/2022 của Hội đồng xét và công nhận tốt nghiệp đợt tháng 6/2022, trình độ đại học và cao đẳng, hình thức đào tạo vừa làm vừa học;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp Đại học và cấp bằng Cử nhân cho **03** (ba) sinh viên, hình thức đào tạo vừa làm vừa học, khóa tuyển sinh năm 2017, cụ thể:

Ngành Giáo dục Mầm non

- Tại Trường Đại học Sư phạm

Có **03** (ba) sinh viên.

(có danh sách kèm theo)

Điều 2. Thủ trưởng các đơn vị liên quan và sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 (để thực hiện);
- ĐHĐN (để báo cáo);
- BGH (để biết)
- Lưu: VT, ĐT.



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Lưu Trang

DANH SÁCH SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN
(Kèm theo Quyết định số 319/QĐ-ĐHSP ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hiệu trưởng
Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

Stt	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Hà Thị Kiều Anh	03/09/1999	2,77	Khá	3019/QĐ-ĐHĐN ngày 12/9/2017 8
2	Nguyễn Thị Thùy Linh	17/08/1999	2,76	Khá	3019/QĐ-ĐHĐN ngày 12/9/2017 42
3	Phạm Thị Ngọc Trâm	13/11/1999	2,85	Khá	3019/QĐ-ĐHĐN ngày 12/9/2017 105

Ấn định danh sách này có 3 (ba) sinh viên, trong đó:

Xếp loại Xuất sắc 0 /3
Xếp loại Giỏi 0 /3
Xếp loại Khá 3 /3
Xếp loại Trung bình 0 /3



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Lưu Trang

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp Đại học và cấp bằng Cử nhân
cho sinh viên khóa tuyển sinh năm 2017
hình thức đào tạo vừa làm vừa học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Căn cứ Nghị định số 32/CP ngày 04/4/1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐĐH ngày 12/7/2021 của Hội đồng Đại học Đà Nẵng về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Đà Nẵng và Nghị quyết số 13/NQ-HĐĐH ngày 07/9/2021 của Hội đồng Đại học Đà Nẵng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-HĐT ngày 08/6/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, kèm theo Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Thông tư 06/2017/TT-BGDĐT ngày 15/3/2017 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy chế đào tạo vừa làm vừa học trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 551/QĐ-ĐHSP ngày 13/5/2022 của Hiệu trưởng Trường ĐHSP-ĐHĐN về việc thành lập Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp đợt tháng 5/2022, trình độ đại học và cao đẳng, hình thức đào tạo vừa làm vừa học;

Căn cứ biên bản họp xét công nhận tốt nghiệp ngày 21/6/2022 của Hội đồng xét và công nhận tốt nghiệp đợt tháng 6/2022, trình độ đại học và cao đẳng, hình thức đào tạo vừa làm vừa học;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp Đại học và cấp bằng Cử nhân cho **02** (hai) sinh viên, hình thức đào tạo vừa làm vừa học (liên thông từ Trung cấp), khóa tuyển sinh năm 2017, cụ thể:

Ngành Giáo dục Mầm non

- Tại Trường Đại học Sư phạm

Có **02** (hai) sinh viên.

(có danh sách kèm theo)

Điều 2. Thủ trưởng các đơn vị liên quan và sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 (để thực hiện);
- ĐHĐN (để báo cáo);
- BGH (để biết)
- Lưu: VT, ĐT.



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Lưu Trang

DANH SÁCH SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN
(Kèm theo Quyết định số 920 /QĐ - ĐHSP ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hiệu trưởng
Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

Stt	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	26/04/1996	2,82	Khá	3019/QĐ-ĐHĐN ngày 12/9/2017 2

Ấn định danh sách này có **1** (một) sinh viên, trong đó:

Xếp loại Xuất sắc 0 /1
Xếp loại Giỏi 0 /1
Xếp loại Khá 1 /1
Xếp loại Trung bình 0 /1



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Lưu Trang

**DANH SÁCH SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN**
(Kèm theo Quyết định số 320 /QĐ - ĐHSP ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hiệu trưởng,
Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

Stt	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Lê Thị Thanh Hằng	10/03/1996	2,78	Khá	3735/QĐ-ĐHĐN ngày 07/11/2017 25

Ấn định danh sách này có 1 (một) sinh viên, trong đó:

Xếp loại Xuất sắc 0 /1

Xếp loại Giỏi 0 /1

Xếp loại Khá 1 /1

Xếp loại Trung bình 0 /1

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Lưu Trang

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp Đại học và cấp bằng Cử nhân
cho sinh viên khóa tuyển sinh năm 2018
hình thức đào tạo vừa làm vừa học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Căn cứ Nghị định số 32/CP ngày 04/4/1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐĐH ngày 12/7/2021 của Hội đồng Đại học Đà Nẵng về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Đà Nẵng và Nghị quyết số 13/NQ-HĐĐH ngày 07/9/2021 của Hội đồng Đại học Đà Nẵng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-HĐT ngày 08/6/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, kèm theo Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Thông tư 06/2017/TT-BGDĐT ngày 15/3/2017 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy chế đào tạo vừa làm vừa học trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 551/QĐ-ĐHSP ngày 13/5/2022 của Hiệu trưởng Trường ĐHSP-ĐHĐN về việc thành lập Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp đợt tháng 5/2022, trình độ đại học và cao đẳng, hình thức đào tạo vừa làm vừa học;

Căn cứ biên bản họp xét công nhận tốt nghiệp ngày 21/6/2022 của Hội đồng xét và công nhận tốt nghiệp đợt tháng 6/2022, trình độ đại học và cao đẳng, hình thức đào tạo vừa làm vừa học;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp Đại học và cấp bằng Cử nhân cho **67** (sáu mươi bảy) sinh viên, hình thức đào tạo vừa làm vừa học, khóa tuyển sinh năm 2018, cụ thể:

Ngành Giáo dục Mầm non

- Tại Trường Đại học Sư phạm Có **41** (bốn mươi một) sinh viên;
- Tại Trung tâm GDTX số 1 - TP. Đà Nẵng Có **26** (hai mươi sáu) sinh viên.
(có danh sách kèm theo)



Điều 2. Thủ trưởng các đơn vị liên quan và sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 (để thực hiện);
- ĐHĐN (để báo cáo);
- BGH (để biết)
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Lưu Trang



DANH SÁCH SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN
(Kèm theo Quyết định số 921 /QĐ - ĐHSP ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hiệu trưởng
Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

Stt	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Trương Thị Thúy An	03/09/2000	2,84	Khá	4211/QĐ-ĐHĐN ngày 04/12/2018 1
2	Nguyễn Thúy An	01/11/2000	3,08	Khá	4211/QĐ-ĐHĐN ngày 04/12/2018 2
3	Lê Thị Kim Anh	19/02/1999	2,89	Khá	4211/QĐ-ĐHĐN ngày 04/12/2018 4
4	Nguyễn Thị Hồng Ánh	21/11/2000	2,88	Khá	4211/QĐ-ĐHĐN ngày 04/12/2018 6
5	Phạm Thị Chung	19/08/1998	3,22	Giỏi	4211/QĐ-ĐHĐN ngày 04/12/2018 8
6	Đỗ Thị Mỹ Diễm	29/09/1996	2,75	Khá	4211/QĐ-ĐHĐN ngày 04/12/2018 10
7	Phạm Thị Dung	01/02/2000	2,97	Khá	4211/QĐ-ĐHĐN ngày 04/12/2018 11
8	Đàm Kỳ Duyên	30/05/2000	2,92	Khá	4211/QĐ-ĐHĐN ngày 04/12/2018 15
9	Nguyễn Đỗ Thu Hà	27/11/2000	3,00	Khá	4211/QĐ-ĐHĐN ngày 04/12/2018 17
10	Ngô Thị Bích Hạ	25/01/1999	3,00	Khá	4211/QĐ-ĐHĐN ngày 04/12/2018 18
11	Nguyễn Thị Mỹ Hằng	16/09/2000	2,88	Khá	4211/QĐ-ĐHĐN ngày 04/12/2018 21
12	Nguyễn Đỗ Thu Hằng	27/11/2000	3,08	Khá	4211/QĐ-ĐHĐN ngày 04/12/2018 22
13	Võ Thị Hào	15/10/1998	2,82	Khá	4211/QĐ-ĐHĐN ngày 04/12/2018 24
14	Phạm Thị Hoa	01/11/2000	2,92	Khá	4211/QĐ-ĐHĐN ngày 04/12/2018 32
15	Thái Thị Hiếu Hòa	29/10/2000	3,06	Khá	4211/QĐ-ĐHĐN ngày 04/12/2018 33
16	Nguyễn Thị Thanh Huyền	30/04/2000	3,08	Khá	4211/QĐ-ĐHĐN ngày 04/12/2018 35
17	Trần Thị Lan	11/10/2000	2,97	Khá	4211/QĐ-ĐHĐN ngày 04/12/2018 38
18	Phạm Thị Thúy Liễu	04/04/2000	3,06	Khá	4211/QĐ-ĐHĐN ngày 04/12/2018 39
19	Phan Thị Bích Lợi	15/09/2000	2,78	Khá	4211/QĐ-ĐHĐN ngày 04/12/2018 45
20	Nguyễn Thị Thanh Mai	22/12/1998	2,83	Khá	4211/QĐ-ĐHĐN ngày 04/12/2018 47
21	Huỳnh Hồ Bích Ngân	13/05/2000	2,84	Khá	4211/QĐ-ĐHĐN ngày 04/12/2018 52
22	Nguyễn Thị Mỹ Nhi	28/10/2000	3,01	Khá	4211/QĐ-ĐHĐN ngày 04/12/2018 62
23	Võ Thanh Quyên	27/03/2000	2,73	Khá	4211/QĐ-ĐHĐN ngày 04/12/2018 69
24	Lê Thị Sâm	10/12/2000	2,86	Khá	4211/QĐ-ĐHĐN ngày 04/12/2018 71
25	Phan Thị Sinh	19/10/2000	2,28	Trung bình	4211/QĐ-ĐHĐN ngày 04/12/2018 72
26	Lê Thị Diễm Sương	11/06/1994	3,21	Giỏi	4211/QĐ-ĐHĐN ngày 04/12/2018 73
27	Nguyễn Thị Tâm	07/01/2000	2,96	Khá	4211/QĐ-ĐHĐN ngày 04/12/2018 74
28	Nguyễn Thị Thanh Tâm	01/02/1987	3,01	Khá	4211/QĐ-ĐHĐN ngày 04/12/2018 75
29	Ngô Thị Cẩm Thanh	21/09/2000	2,93	Khá	4211/QĐ-ĐHĐN ngày 04/12/2018 78
30	Đoàn Thị Phương Thảo	01/09/2000	2,85	Khá	4211/QĐ-ĐHĐN ngày 04/12/2018 79
31	Lê Thị Phương Thảo	16/05/2000	3,12	Khá	4211/QĐ-ĐHĐN ngày 04/12/2018 80
32	Trần Thị Minh Thi	08/06/2000	2,94	Khá	4211/QĐ-ĐHĐN ngày 04/12/2018 82
33	Mai Thị Thùy	04/09/2000	2,88	Khá	4211/QĐ-ĐHĐN ngày 04/12/2018 86



Stt	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
34	Lê Thị Ngọc	Thùy	21/04/1999	2,81	Khá	4211/QĐ-ĐHĐN ngày 04/12/2018 87
35	Lê Thị	Thủy	18/06/2000	2,95	Khá	4211/QĐ-ĐHĐN ngày 04/12/2018 88
36	Hồ Thị	Triều	01/11/2000	2,90	Khá	4211/QĐ-ĐHĐN ngày 04/12/2018 98
37	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	02/02/2000	2,85	Khá	4211/QĐ-ĐHĐN ngày 04/12/2018 101
38	Nguyễn Thị Thảo	Tuyên	28/04/2000	2,82	Khá	4211/QĐ-ĐHĐN ngày 04/12/2018 102
39	Trần Thị Ánh	Tuyết	13/10/2000	2,91	Khá	4211/QĐ-ĐHĐN ngày 04/12/2018 103
40	Phan Thị Hồng	Uyên	29/12/2000	2,93	Khá	4211/QĐ-ĐHĐN ngày 04/12/2018 104
41	Huỳnh Thị Kim	Yên	01/05/2000	2,87	Khá	4211/QĐ-ĐHĐN ngày 04/12/2018 110

Ấn định danh sách này có **41** (bốn mươi một) sinh viên, trong đó:

Xếp loại Xuất sắc 0 /41

Xếp loại Giỏi 2 /41

Xếp loại Khá 38 /41

Xếp loại Trung bình 1 /41



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Lưu Trang



DANH SÁCH SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN
(Kèm theo Quyết định số 921/QĐ-ĐHSP ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hiệu trưởng
Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

Stt	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Vương Thị Quỳnh Anh	31/07/2000	2,75	Khá	4211/QĐ-ĐHĐN ngày 04/12/2018 1
2	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	20/08/1999	2,96	Khá	4211/QĐ-ĐHĐN ngày 04/12/2018 2
3	Huỳnh Thị Ngọc Diễm	19/10/2000	2,91	Khá	4211/QĐ-ĐHĐN ngày 04/12/2018 3
4	Trần Thị Kiều Dung	20/01/1999	3,00	Khá	4211/QĐ-ĐHĐN ngày 04/12/2018 5
5	Lê Thị Dung	22/01/1998	2,99	Khá	4211/QĐ-ĐHĐN ngày 04/12/2018 6
6	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	29/02/2000	2,99	Khá	4211/QĐ-ĐHĐN ngày 04/12/2018 9
7	Nguyễn Thị Hà	05/08/1998	3,13	Khá	4211/QĐ-ĐHĐN ngày 04/12/2018 10
8	Lê Thị Hằng	05/07/1999	2,78	Khá	4211/QĐ-ĐHĐN ngày 04/12/2018 12
9	Đặng Thị Huyền	22/07/1999	3,01	Khá	4211/QĐ-ĐHĐN ngày 04/12/2018 17
10	Nguyễn Thị Thu Lài	18/01/2000	3,25	Giỏi	4211/QĐ-ĐHĐN ngày 04/12/2018 19
11	Nguyễn Thị Khánh Lai	01/11/2000	2,80	Khá	4211/QĐ-ĐHĐN ngày 04/12/2018 18
12	Cao Thị Nen	09/10/1990	2,90	Khá	4211/QĐ-ĐHĐN ngày 04/12/2018 21
13	Đặng Thị Nga	02/01/1996	3,38	Giỏi	4418/QĐ-ĐHĐN ngày 20/12/2018 1
14	Lê Thị Thảo Nguyên	15/08/1996	2,96	Khá	4211/QĐ-ĐHĐN ngày 04/12/2018 23
15	Nguyễn Thị Nhân	01/03/2000	2,73	Khá	4211/QĐ-ĐHĐN ngày 04/12/2018 24
16	Đinh Ngọc Hoài Phương	21/01/2000	2,76	Khá	4211/QĐ-ĐHĐN ngày 04/12/2018 27
17	Lê Thị Kim Quy	02/11/2000	3,38	Giỏi	4211/QĐ-ĐHĐN ngày 04/12/2018 28
18	Huỳnh Thị Ngọc Sương	03/10/2000	2,73	Khá	4211/QĐ-ĐHĐN ngày 04/12/2018 30
19	Đỗ Thị Thu Thủy	16/05/1999	3,24	Giỏi	4211/QĐ-ĐHĐN ngày 04/12/2018 33
20	Hồ Thị Tiên	02/10/2000	2,98	Khá	4211/QĐ-ĐHĐN ngày 04/12/2018 35
21	Lê Thị Tinh	14/09/2000	2,83	Khá	4211/QĐ-ĐHĐN ngày 04/12/2018 36
22	Trương Thị Ngọc Trâm	26/04/1994	3,03	Khá	4211/QĐ-ĐHĐN ngày 04/12/2018 38
23	Nguyễn Thị Trang	23/11/1999	2,80	Khá	4211/QĐ-ĐHĐN ngày 04/12/2018 39
24	Phan Thị Kim Trinh	14/09/1996	3,00	Khá	4211/QĐ-ĐHĐN ngày 04/12/2018 40
25	Hồ Thị Ngọc Trinh	05/08/1998	2,98	Khá	4211/QĐ-ĐHĐN ngày 04/12/2018 41
26	Lê Thị Vinh	21/04/2000	2,97	Khá	4211/QĐ-ĐHĐN ngày 04/12/2018 44

Ấn định danh sách này có 26 (hai mươi sáu) sinh viên, trong đó:

Xếp loại Xuất sắc 0 /26
Xếp loại Giỏi 4 /26
Xếp loại Khá 22 /26
Xếp loại Trung bình 0 /26



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Lưu Trang

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp Đại học và cấp bằng Cử nhân
cho sinh viên khóa tuyển sinh năm 2018
hình thức đào tạo vừa làm vừa học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Căn cứ Nghị định số 32/CP ngày 04/4/1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐĐH ngày 12/7/2021 của Hội đồng Đại học Đà Nẵng về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Đà Nẵng và Nghị quyết số 13/NQ-HĐĐH ngày 07/9/2021 của Hội đồng Đại học Đà Nẵng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-HĐT ngày 08/6/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, kèm theo Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Thông tư 06/2017/TT-BGDĐT ngày 15/3/2017 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy chế đào tạo vừa làm vừa học trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 551/QĐ-ĐHSP ngày 13/5/2022 của Hiệu trưởng Trường ĐHSP-ĐHĐN về việc thành lập Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp đợt tháng 5/2022, trình độ đại học và cao đẳng, hình thức đào tạo vừa làm vừa học;

Căn cứ biên bản họp xét công nhận tốt nghiệp ngày 21/6/2022 của Hội đồng xét và công nhận tốt nghiệp đợt tháng 6/2022, trình độ đại học và cao đẳng, hình thức đào tạo vừa làm vừa học;

Theo đề nghị của Trường phòng Phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp Đại học và cấp bằng Cử nhân cho **01** (một) sinh viên, hình thức đào tạo vừa làm vừa học, khóa tuyển sinh năm 2018, cụ thể:

Ngành Giáo dục Mầm non

- Tại Trường Đại học Phạm Văn Đồng

Có **01** (một) sinh viên.

(có danh sách kèm theo)

Điều 2. Thủ trưởng các đơn vị liên quan và sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *✍*

Nơi nhận:

- Như Điều 2 (để thực hiện);
- ĐHĐN (để báo cáo);
- BGH (để biết)
- Lưu: VT, ĐT.



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Lưu Trang

DANH SÁCH SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN
(Kèm theo Quyết định số 322 /QĐ - ĐHSP ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Hiệu trưởng
Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

Stt	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Trần Thị Thu Hường	09/01/1994	3,17	Khá	2607/QĐ-ĐHĐN ngày 30/7/2018 24

Ấn định danh sách này có 1 (một) sinh viên, trong đó:

Xếp loại Xuất sắc 0 /1
Xếp loại Giỏi 0 /1
Xếp loại Khá 1 /1
Xếp loại Trung bình 0 /1



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Lưu Trang

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp Đại học và cấp bằng Cử nhân
cho sinh viên khóa tuyển sinh năm 2019
hình thức đào tạo vừa làm vừa học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Căn cứ Nghị định số 32/CP ngày 04/4/1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐĐH ngày 12/7/2021 của Hội đồng Đại học Đà Nẵng về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Đà Nẵng và Nghị quyết số 13/NQ-HĐĐH ngày 07/9/2021 của Hội đồng Đại học Đà Nẵng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-HĐT ngày 08/6/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, kèm theo Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Thông tư 06/2017/TT-BGDĐT ngày 15/3/2017 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy chế đào tạo vừa làm vừa học trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 551/QĐ-ĐHSP ngày 13/5/2022 của Hiệu trưởng Trường ĐHSP-ĐHĐN về việc thành lập Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp đợt tháng 5/2022, trình độ đại học và cao đẳng, hình thức đào tạo vừa làm vừa học;

Căn cứ biên bản họp xét công nhận tốt nghiệp ngày 21/6/2022 của Hội đồng xét và công nhận tốt nghiệp đợt tháng 6/2022, trình độ đại học và cao đẳng, hình thức đào tạo vừa làm vừa học;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp Đại học và cấp bằng Cử nhân cho **119** (một trăm mười chín) sinh viên, hình thức đào tạo vừa làm vừa học, khóa tuyển sinh năm 2019, cụ thể:

Ngành Giáo dục Mầm non

- Tại Trường TCKT Đông Nam Á TP. Hồ Chí Minh - Phân hiệu Cần Thơ

Có **98** (chín mươi tám) sinh viên;

Ngành Giáo dục Tiểu học

- Tại Trường TCKT Đông Nam Á TP. Hồ Chí Minh - Phân hiệu Cần Thơ

Có **21** (hai mươi một) sinh viên.

(có danh sách kèm theo)



Điều 2. Thủ trưởng các đơn vị liên quan và sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 (để thực hiện);
- ĐHĐN (để báo cáo);
- BGH (để biết)
- Lưu: VT, ĐT.



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Lưu Trang



DANH SÁCH SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN
(Kèm theo Quyết định số 923 /QĐ - ĐHSP ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hiệu trưởng
Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

Stt	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Lê Thị Bích Chân	28/06/1987	3,21	Giỏi	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 2
2	Lê Thị Bích Đào	25/03/1990	3,19	Khá	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 6
3	Mai Thúy Diễm	17/09/1979	3,27	Giỏi	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 8
4	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	07/03/1985	3,28	Giỏi	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 13
5	Trần Thị Thúy Hằng	19/06/1983	3,22	Giỏi	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 18
6	Nguyễn Phương Hằng	28/03/1990	3,18	Khá	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 17
7	Lý Thị Cẩm Hằng	20/08/1980	3,14	Khá	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 19
8	Đào Thị Mỹ Hằng	//1990	3,18	Khá	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 20
9	Nguyễn Thị Thu Hiền	30/08/1980	3,28	Giỏi	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 23
10	Đặng Xuân Hương	18/01/1987	3,23	Giỏi	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 29
11	Phạm Thị Thanh Hương	20/07/1987	3,14	Khá	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 28
12	Nguyễn Thụy Thanh Kiều	10/09/1994	3,18	Khá	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 32
13	Võ Mỹ Lan	25/04/1975	3,20	Giỏi	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 34
14	Nguyễn Thị Bích Loan	11/01/1977	3,36	Giỏi	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 36
15	Lê Kiều My	23/09/1996	3,06	Khá	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 41
16	Nguyễn Thị Thu Ngân	05/11/1981	3,44	Giỏi	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 43
17	Trương Thị Thúy Ngân	26/12/1990	3,18	Khá	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 44
18	Mai Thị Hoàng Ngọc	06/01/1985	3,23	Giỏi	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 47
19	Nguyễn Thị Huỳnh Như	20/02/1991	3,25	Giỏi	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 52
20	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	21/09/1992	3,23	Giỏi	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 53
21	Huỳnh Kiệt Phụng	28/04/1994	3,14	Khá	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 58
22	Trần Thị Hồng Phượng	02/03/1989	3,08	Khá	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 61
23	Nguyễn Kim Thanh	07/04/1983	3,16	Khá	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 66
24	Thái Thị Hồng Thu	15/11/1989	3,24	Giỏi	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 69
25	Nguyễn Thị Thuận	14/02/1979	3,18	Khá	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 70
26	Nguyễn Hồng Thúy	19/02/1996	3,08	Khá	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 71
27	Phan Thị Cẩm Thùy	02/08/1993	3,04	Khá	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 72
28	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	22/06/1994	3,33	Giỏi	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 73
29	Nguyễn Minh Tiễn	06/12/1982	3,11	Khá	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 77
30	Nguyễn Thị Thi Trang	12/01/1987	3,21	Giỏi	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 85
31	Bành Thị Thu Trang	15/02/1982	3,23	Giỏi	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 86
32	Bùi Thị Trang	15/07/1994	3,18	Khá	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 84
33	Nguyễn Thị Diễm Trinh	05/12/1990	3,02	Khá	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 91
34	Lê Thị Tường Vân	01/12/1990	3,37	Giỏi	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 100



Stt	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
35	Lê Cát Tường Vi	02/02/1983	3,28	Giỏi	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 101
36	Trương Lệ Xuân	//1983	3,20	Giỏi	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 102
37	Võ Thị Kim Yến	11/07/1992	3,09	Khá	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 106
38	Huỳnh Hoàng Tiểu Yến	29/11/1997	3,19	Khá	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 107

Ấn định danh sách này có **38** (ba mươi tám) sinh viên, trong đó:

Xếp loại Xuất sắc 0 /38
Xếp loại Giỏi 19 /38
Xếp loại Khá 19 /38
Xếp loại Trung bình 0 /38



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Lưu Trang



DANH SÁCH SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN
(Kèm theo Quyết định số 923 /QĐ - ĐHSP ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hiệu trưởng
Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

Stt	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Huỳnh Thị Cẩm	25/04/1995	3,25	Giỏi	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 1
2	Võ Kiều Chinh	03/07/1989	3,34	Giỏi	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 4
3	Nguyễn Trang Kiều	27/01/1994	3,20	Giỏi	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 7
4	Nguyễn Thùy Dương	16/10/1996	3,16	Khá	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 10
5	Phạm Thùy Dương	05/01/1993	3,07	Khá	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 11
6	Bùi Thị Mai Duyên	02/12/1985	3,33	Giỏi	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 12
7	Huỳnh Thị Kim Hường	08/04/1993	3,02	Khá	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 30
8	Võ Thị Kim Lựu	15/02/1992	3,42	Giỏi	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 37
9	Trần Thị MiLy	05/06/1990	3,22	Giỏi	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 39
10	Nguyễn Thị Kim Ngân	25/04/1998	3,18	Khá	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 42
11	Nguyễn Thị Bích Ngọc	25/02/1991	3,26	Giỏi	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 46
12	Nguyễn Thị Trung Nguyệt	23/08/1994	3,08	Khá	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 48
13	Nguyễn Thị Yến Nhi	01/04/1990	3,10	Khá	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 50
14	Đặng Thị Thúy Oanh	20/01/1986	3,34	Giỏi	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 56
15	Võ Hoàng Oanh	25/06/1991	3,08	Khá	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 55
16	Hoàng Thị Minh Tâm	18/05/1994	3,30	Giỏi	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 64
17	Nguyễn Thị Thắm	04/12/1986	3,36	Giỏi	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 65
18	Nguyễn Như Thảo	06/09/1991	3,09	Khá	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 67
19	Trương Thị Lệ Thu	15/06/1989	3,28	Giỏi	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 68
20	Nguyễn Thị Kim Tiền	20/10/1981	3,20	Giỏi	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 76
21	Nguyễn Thùy Trang	20/08/1997	3,20	Giỏi	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 83
22	Nguyễn Thị Kiều Trang	06/11/1995	3,12	Khá	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 88
23	Lâm Thị Hải Triều	11/03/1992	3,22	Giỏi	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 89
24	Nguyễn Thị Trinh	17/07/1992	3,18	Khá	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 90
25	Trần Thanh Ngọc Tú	07/10/1983	3,38	Giỏi	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 93
26	Phạm Thị Thanh Tuyền	22/08/1984	3,26	Giỏi	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 95
27	Nguyễn Thị Ngọc Tuyền	20/04/1989	3,13	Khá	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 96
28	Nguyễn Thị Bạch Tuyết	11/10/1995	3,25	Giỏi	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 98
29	Hồ Thị Thu Vân	08/09/1986	3,32	Giỏi	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 99
30	Trương Hải Yến	09/04/1991	3,17	Khá	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 105

Ấn định danh sách này có **30** (ba mươi) sinh viên, trong đó:

Xếp loại Xuất sắc 0 /30
Xếp loại Giỏi 18 /30
Xếp loại Khá 12 /30
Xếp loại Trung bình 0 /30



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Lưu Trang

DANH SÁCH SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN
(Kèm theo Quyết định số 323 /QĐ - ĐHSP ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hiệu trưởng
Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

Stt	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Nguyễn Thị Bé Bảy	17/07/1971	3,25	Giỏi	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 1
2	Nguyễn Thị Hồng Cúc	01/01/1985	3,11	Khá	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 5
3	Lương Thị Hạnh Đào	26/01/1980	3,06	Khá	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 2
4	Nguyễn Thị Huỳnh Giao	16/10/1992	3,31	Giỏi	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 14
5	Nguyễn Ngọc Hân	12/10/1996	3,18	Khá	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 15
6	Nguyễn Thị Ngọc Hân	16/02/1998	2,97	Khá	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 4
7	Nguyễn Thị Diệu Hạnh	14/02/1984	3,24	Giỏi	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 21
8	Nguyễn Thị Mỹ Hiền	15/06/1993	3,13	Khá	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 22
9	Lê Thị Qui Hoàng	26/10/2000	2,97	Khá	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 5
10	Nguyễn Thị Diệu Huyền	11/10/1981	3,15	Khá	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 7
11	Ngô Thị Kim Khoa	06/04/1983	3,27	Giỏi	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 31
12	Tô Thị Mỹ Lan	11/11/1991	3,23	Giỏi	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 33
13	Phan Thị Hồng Linh	09/11/1986	3,21	Giỏi	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 35
14	Phan Thị Cẩm Loan	02/06/1990	3,24	Giỏi	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 8
15	Trần Thị Mai	25/03/1994	3,13	Khá	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 38
16	Nguyễn Thị Hồng Mơ	30/09/1986	3,21	Giỏi	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 40
17	Đặng Thị Kim Ngọc	08/04/1995	3,17	Khá	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 45
18	Nguyễn Thị Huỳnh Như	14/04/1995	3,03	Khá	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 51
19	Trần Dương Nhụy	29/08/1999	2,93	Khá	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 54
20	Phan Thị Phụng	01/01/1986	3,13	Khá	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 60
21	Lê Ngọc Thùy	04/09/1991	3,10	Khá	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 13
22	Phạm Bảo Trân	05/06/1997	3,25	Giỏi	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 80
23	Trang Thị Bảo Trân	03/08/1989	3,04	Khá	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 79
24	Trần Thị Thùy Trang	08/02/1991	3,23	Giỏi	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 81
25	Nguyễn Thị Kiều Trang	06/11/1995	3,03	Khá	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 82
26	Trần Thị Xuân Tươi	20/02/1994	3,16	Khá	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 16
27	Nguyễn Thị Hồng Tươi	07/09/1990	3,11	Khá	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 17
28	Nguyễn Thị Ngọc Tuyết	03/10/1982	3,49	Giỏi	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 97
29	Trần Thị Ngọc Vĩ	20/12/1972	3,11	Khá	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 18
30	Phan Thị Mỹ Xuyên	01/01/1986	3,18	Khá	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 103

An định danh sách này có 30 (ba mươi) sinh viên, trong đó:

Xếp loại Xuất sắc 0 /30
Xếp loại Giỏi 11 /30
Xếp loại Khá 19 /30
Xếp loại Trung bình 0 /30

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
SƯ PHẠM
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

PGS.TS. Lưu Trang

DANH SÁCH SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN
(Kèm theo Quyết định số 323 /QĐ - ĐHSP ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hiệu trưởng
Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

Stt	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Lê Thị Thúy An	06/10/1998	3,28	Giỏi	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 1
2	Lê Thị Ngọc Bích	24/10/1975	3,44	Giỏi	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 6
3	Dương Sĩ Diện	12/11/1985	3,13	Khá	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 10
4	Phạm Hồng Hải	06/12/1969	3,07	Khá	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 12
5	Phạm Văn Khiêm	12/11/1969	3,50	Giỏi	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 17
6	Lê Quốc Khởi	09/09/1966	3,23	Giỏi	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 18
7	Vũ Thị Mỹ Kiều	13/08/1978	3,15	Khá	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 19
8	Trần Thị Mỹ Lan	03/05/1969	3,00	Khá	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 20
9	Lê Thị Ngọc Linh	25/10/1982	3,12	Khá	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 21
10	Võ Thế Linh	17/05/1995	3,13	Khá	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 22
11	Lê Văn Mạnh	23/12/1972	3,14	Khá	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 23
12	Nguyễn Thị Huỳnh Như	11/07/1993	3,30	Giỏi	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 26
13	Nguyễn Văn Nung	1971	3,18	Khá	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 27
14	Ngô Thị Mỹ Phụng	14/10/1998	3,30	Giỏi	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 29
15	Lê Văn Sang	10/10/1974	3,18	Khá	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 30
16	Nguyễn Tấn Tài	25/12/1978	3,02	Khá	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 33
17	Nguyễn Nguyên Thanh	15/02/1996	3,13	Khá	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 36
18	Nguyễn Văn Tổng	31/12/1967	3,07	Khá	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 40
19	Đào Thị Phụng Trâm	02/05/1990	3,13	Khá	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 41
20	Lê Thanh Tùng	22/03/1974	3,34	Giỏi	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 44
21	Nguyễn Thị Phương Uyên	24/12/1984	3,10	Khá	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 47

An định danh sách này có **21** (hai mươi một) sinh viên, trong đó:

Xếp loại Xuất sắc 0 /21
Xếp loại Giỏi 7 /21
Xếp loại Khá 14 /21
Xếp loại Trung bình 0 /21



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Lưu Trang

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp Đại học và cấp bằng Cử nhân
cho sinh viên khóa tuyển sinh năm 2019
hình thức đào tạo vừa làm vừa học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Căn cứ Nghị định số 32/CP ngày 04/4/1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐDH ngày 12/7/2021 của Hội đồng Đại học Đà Nẵng về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Đà Nẵng và Nghị quyết số 13/NQ-HĐDH ngày 07/9/2021 của Hội đồng Đại học Đà Nẵng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-HĐT ngày 08/6/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, kèm theo Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Thông tư 06/2017/TT-BGDĐT ngày 15/3/2017 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy chế đào tạo vừa làm vừa học trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 551/QĐ-ĐHSP ngày 13/5/2022 của Hiệu trưởng Trường ĐHSP-ĐHĐN về việc thành lập Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp đợt tháng 5/2022, trình độ đại học và cao đẳng, hình thức đào tạo vừa làm vừa học;

Căn cứ biên bản họp xét công nhận tốt nghiệp ngày 21/6/2022 của Hội đồng xét và công nhận tốt nghiệp đợt tháng 6/2022, trình độ đại học và cao đẳng, hình thức đào tạo vừa làm vừa học;

Theo đề nghị của Trường phòng Phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp Đại học và cấp bằng Cử nhân cho **184** (một trăm tám mươi tư) sinh viên, hình thức đào tạo vừa làm vừa học (liên thông từ Trung cấp), khóa tuyển sinh năm 2019, cụ thể:

Ngành Giáo dục Mầm non

- | | |
|---------------------------------------|--|
| - Tại Trường Cao đẳng Sư phạm Đăk Lăk | Có 30 (ba mươi) sinh viên; |
| - Tại Trường Đại học Phạm Văn Đồng | Có 85 (tám mươi lăm) sinh viên; |
| - Tại Trường Đại học Sư phạm | Có 36 (ba mươi sáu) sinh viên. |

Ngành Giáo dục Tiểu học

- | | |
|------------------------------------|--|
| - Tại Trường Đại học Phạm Văn Đồng | Có 26 (hai mươi sáu) sinh viên; |
| - Tại Trường Đại học Sư phạm | Có 07 (bảy) sinh viên. |

(có danh sách kèm theo)



Điều 2. Thủ trưởng các đơn vị liên quan và sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 (để thực hiện);
- ĐHĐN (để báo cáo);
- BGH (để biết)
- Lưu: VT, ĐT.



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Lưu Trang



DANH SÁCH SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN
(Kèm theo Quyết định số 324 /QĐ - ĐHSP ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hiệu trưởng
Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

Stt	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	H' Xuân	Bkrông	22/11/1985	2,99	Khá	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 1
2	H' Em Niê	Brit	21/10/1991	2,91	Khá	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 2
3	H Nasa	Byă	28/08/1993	3,00	Khá	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 3
4	Nguyễn Thị	Chinh	13/07/1996	3,25	Giỏi	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 4
5	Nông Thị	Điểm	28/08/1997	3,09	Khá	165/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 2
6	Hoàng Thị Ánh	Diễm	06/12/1994	3,24	Giỏi	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 5
7	Nguyễn Thị	Dung	26/08/1990	3,33	Giỏi	165/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 3
8	Trịnh Thị	Duyên	06/06/1990	3,30	Giỏi	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 6
9	Nguyễn Thị Tuyết	Giang	01/03/1996	3,09	Khá	165/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 4
10		H-Jan	05/02/1998	3,00	Khá	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 9
11	Nguyễn Thị	Hiên	07/08/1984	3,18	Khá	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 7
12	Lê Thị Thanh	Hoa	16/02/1993	3,34	Giỏi	165/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 5
13	Nguyễn Thị	Hòa	05/10/1993	3,23	Giỏi	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 10
14	Nguyễn Thị	Hoài	20/10/1989	3,23	Giỏi	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 11
15	Nguyễn Thị Thu	Huyền	21/11/1996	3,15	Khá	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 12
16	Bun Sí	Lào	12/01/1996	3,09	Khá	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 15
17	Cao Thị	Ngọc	28/12/1997	3,19	Khá	165/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 10
18	Thái Thị Bích	Ngọc	06/04/1985	3,39	Giỏi	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 18
19	Phạm Thị Hồng	Nhung	08/03/1998	3,19	Khá	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 19
20	H' Brơ	Niê	01/08/1991	3,09	Khá	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 20
21	H' Indô	Niê	30/05/1989	3,08	Khá	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 21
22	H' Vân	Niê	10/10/1996	2,98	Khá	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 22
23	H' Thu	Niê	01/02/1992	3,06	Khá	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 23
24	Vũ Lâm	Oanh	13/05/1999	2,95	Khá	165/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 11
25	Trần Thị	Phượng	20/03/1984	3,13	Khá	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 24
26	Trần Thị	Thảo	10/09/1993	3,35	Giỏi	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 27
27	Lê Kim	Thơ	20/06/1991	3,39	Giỏi	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 29
28	Phạm Thị	Trang	14/09/1989	3,16	Khá	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 31
29	Võ Trương Thúy	Vi	24/09/1998	3,16	Khá	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 33
30	Nguyễn Thị	Yên	16/06/1996	3,23	Giỏi	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 34



Stt	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
-----	-----------	-----------------------	-----------------	---------------------	---

Ấn định danh sách này có **30** (ba mươi) sinh viên, trong đó: *p*

Xếp loại Xuất sắc 0 /30

Xếp loại Giỏi 11 /30

Xếp loại Khá 19 /30

Xếp loại Trung bình 0 /30



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Lưu Trang



DANH SÁCH SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN
(Kèm theo Quyết định số 924 /QĐ - ĐHSP ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hiệu trưởng
Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

Stt	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Nguyễn Thị Hoàng Ân	10/11/1996	3,19	Khá	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 1
2	Dương Thị Biền	29/01/1989	3,21	Giỏi	165/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 2
3	Đỗ Thị Ly	17/06/1997	3,06	Khá	165/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 3
4	Trần Thị Ngọc Chí	14/02/1997	3,20	Giỏi	165/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 5
5	Võ Thị Lệ	02/02/1988	3,61	Xuất sắc	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 8
6	Quảng Nữ Kiều	05/02/1998	3,35	Giỏi	165/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 8
7	Bùi Thị Ngọc Diệp	19/09/1999	3,16	Khá	165/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 9
8	Hoàng Hương	15/03/1997	3,15	Khá	165/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 13
9	Trương Thị Giang	17/12/1992	3,03	Khá	165/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 14
10	Hồ Thị Hạnh	28/12/1987	3,25	Giỏi	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 17
11	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	26/12/1997	3,21	Giỏi	165/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 20
12	Đặng Thị Mỹ Hạnh	24/02/1984	3,10	Khá	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 16
13	Nguyễn Thị Thu Hiền	09/04/1995	3,31	Giỏi	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 19
14	Trương Thị Kiêm Loan	20/09/1992	3,19	Khá	165/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 38
15	Huỳnh Thị Luyện	07/08/1994	3,18	Khá	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 31
16	Dương Thị Thúy Ngân	28/06/1998	3,18	Khá	165/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 46
17	Võ Thị Thanh Nhân	20/10/1996	3,11	Khá	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 36
18	Trương Thị Nhị	09/12/1990	3,20	Giỏi	165/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 50
19	Lê Thị Bích Nữ	20/08/1995	3,30	Giỏi	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 40
20	Huỳnh Thị Phương	13/04/1995	3,23	Giỏi	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 42
21	Trần Ngọc Quỳnh	16/10/1995	3,25	Giỏi	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 44
22	Lê Thị Như Quỳnh	22/11/1992	3,14	Khá	165/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 58
23	Phạm Thị Sang	19/12/1991	3,28	Giỏi	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 46
24	Trịnh Thị Mỹ Sen	14/10/1992	3,18	Khá	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 47
25	Phan Thị Thu Sương	24/09/1997	3,26	Giỏi	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 48
26	Phan Nguyễn Diệu Thảo	23/05/1996	3,13	Khá	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 55
27	Lê Thị Thương	04/10/1993	3,21	Giỏi	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 61
28	Lê Thị Phương Thuy	15/12/1983	3,11	Khá	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 66
29	Đặng Thị Thiên Trà	30/12/1994	3,19	Khá	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 68
30	Cao Thị Thu Trinh	08/05/1995	3,26	Giỏi	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 72
31	Trịnh Thị Thúy Vân	28/05/1983	3,19	Khá	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 79
32	Đỗ Thị Tường Vạn	12/12/1990	3,15	Khá	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 80



Stt	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
33	Nguyễn Thị Hồng Viên	04/03/1985	3,25	Giỏi	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 81
34	Nguyễn Thị Yến	08/10/1990	3,30	Giỏi	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 84

Ấn định danh sách này có **34** (ba mươi bốn) sinh viên, trong đó:

Xếp loại Xuất sắc 1 /34
Xếp loại Giỏi 16 /34
Xếp loại Khá 17 /34
Xếp loại Trung bình 0 /34



PGS.TS. Lưu Trang



DANH SÁCH SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN
(Kèm theo Quyết định số 324 /QĐ - ĐHSP ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hiệu trưởng
Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

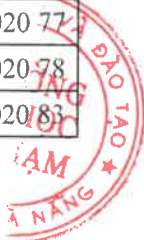
Stt	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Nguyễn Thị Kim Anh	02/10/1993	3,18	Khá	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 2
2	Nguyễn Thị Buôi	08/12/1996	3,24	Giỏi	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 3
3	Nguyễn Tấn Song Châu	02/09/1996	3,19	Khá	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 4
4	Lê Thị Mỹ Diễm	30/04/1996	3,38	Giỏi	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 7
5	Trần Thị Hồng Diễm	16/11/1993	3,18	Khá	165/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 6
6	Võ Thị Giang	14/03/1990	3,13	Khá	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 13
7	Hồ Thị Hà	10/10/1988	3,16	Khá	165/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 15
8	Nguyễn Thị Bích Hằng	25/10/1997	3,35	Giỏi	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 14
9	Võ Thị Thúy Hằng	09/06/1998	3,09	Khá	165/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 17
10	Võ Thị Thu Hiền	04/12/1990	3,23	Giỏi	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 18
11	Nguyễn Thị Thu Hường	26/02/1989	3,33	Giỏi	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 21
12	Hạ Thị Huyện	15/11/1991	3,30	Giỏi	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 22
13	Phạm Thị Trà Huyền	27/07/1993	3,16	Khá	165/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 27
14	Trần Thị Kết	11/12/1993	3,10	Khá	165/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 32
15	Dương Thị Khương	20/08/1995	3,11	Khá	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 23
16	Nguyễn Thị Ái Kiều	17/03/1993	3,25	Giỏi	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 24
17	Lê Thị Mỹ Lại	05/04/1995	3,35	Giỏi	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 27
18	Hồ Thị Lai	04/12/1994	3,09	Khá	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 26
19	Võ Thị Mẫn	23/05/1994	3,21	Giỏi	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 32
20	Nguyễn Thị Ánh My	07/08/1992	3,51	Giỏi	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 33
21	Trương Thị Thanh Nhân	08/09/1996	3,36	Giỏi	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 35
22	Nguyễn Thị Mỹ Nữ	27/05/1990	3,24	Giỏi	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 38
23	Nguyễn Tố Nữ	02/02/1992	3,28	Giỏi	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 39
24	Bùi Thị Kim Phương	25/05/1993	3,24	Giỏi	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 41
25	Trần Ngọc Quỳnh	02/08/1990	3,19	Khá	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 43
26	Phạm Thị Ánh Sen	05/10/1995	3,15	Khá	165/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 59
27	Dương Thị Kim Thanh	15/03/1993	3,35	Giỏi	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 49
28	Nguyễn Thị Thanh Thanh	29/08/1989	3,44	Giỏi	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 51
29	Hồ Thị Thanh	04/12/1992	3,14	Khá	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 50
30	Nguyễn Thị Phương Thảo	10/08/1980	3,20	Giỏi	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 53
31	Lê Kiều Thu Thảo	02/05/1991	3,26	Giỏi	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 54
32	Nguyễn Thị Thoa	20/10/1980	3,21	Giỏi	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 57
33	Trần Thị Thoại	10/02/1988	3,21	Giỏi	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 58



Stt	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
34	Nguyễn Thị	Thời	03/06/1990	3,21	Giỏi	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 59
35	Hồ Thị	Thu	22/06/1991	2,96	Khá	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 60
36	Lê Thị Hòa	Thu	12/06/1997	3,18	Khá	165/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 65
37	Nguyễn Thị Thu	Thúy	07/02/1997	3,20	Giỏi	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 63
38	Đoàn Thị	Thúy	14/06/1994	3,24	Giỏi	165/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 67
39	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	22/07/1987	3,19	Khá	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 62
40	Phạm Thị	Thúy	18/02/1994	3,13	Khá	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 65
41	Hồ Thị	Thúy	03/10/1993	3,03	Khá	165/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 73
42	Phạm Thúy	Trâm	25/06/1994	3,21	Giỏi	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 69
43	Hoàng Vy Bảo	Trâm	20/08/1984	3,23	Giỏi	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 70
44	Hồ Thị	Trâm	09/09/1995	3,13	Khá	165/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 76
45	Nguyễn Thị	Trang	15/05/1991	3,18	Khá	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 71
46	Nguyễn Thị Việt	Trinh	10/10/1992	3,15	Khá	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 73
47	Đinh Thị	Trơ	02/10/1995	3,18	Khá	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 74
48	Nguyễn Thị	Trúc	06/10/1993	3,19	Khá	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 75
49	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	16/01/1974	3,15	Khá	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 77
50	Đỗ Thị Xuân	Uyên	07/07/1994	3,11	Khá	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 78
51	Nguyễn Trần	Vương	16/10/1993	3,14	Khá	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 83

Ấn định danh sách này có 51 (năm mươi một) sinh viên, trong đó:

Xếp loại Xuất sắc 0 /51
Xếp loại Giỏi 25 /51
Xếp loại Khá 26 /51
Xếp loại Trung bình 0 /51



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Lưu Trang

DANH SÁCH SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN
(Kèm theo Quyết định số 924/QĐ-ĐHSP ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hiệu trưởng
Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

Stt	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Phan Thị Bi	30/08/1994	3,13	Khá	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 2
2	Nguyễn Thị Minh Duyên	15/04/1998	3,00	Khá	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 7
3	Hoàng Thị Kim Ánh Em	20/05/1985	3,15	Khá	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 8
4	Hồ Thị Thu Hà	07/07/1998	3,10	Khá	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 9
5	Hoàng Thị Thu Hà	07/03/1998	3,05	Khá	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 10
6	Nguyễn Thị Thu Hà	19/04/1992	3,04	Khá	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 11
7	Huỳnh Thị Thúy Hằng	06/06/1998	3,04	Khá	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 12
8	Bùi Thị Lệ Hằng	12/11/1981	3,06	Khá	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 13
9	Trần Thị Hằng	02/10/1996	3,15	Khá	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 14
10	Phan Thị Hiền	15/01/1998	3,05	Khá	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 16
11	Lê Thị Thúy Hồng	30/12/1997	3,14	Khá	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 17
12	Võ Thị Thanh Huyền	20/10/1998	3,05	Khá	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 18
13	Nguyễn Thị Thu Huyền	18/08/1990	2,88	Khá	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 19
14	Nguyễn Thị Kim Liên	08/09/1985	3,23	Giỏi	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 22
15	Trần Thị Kim Liên	28/06/1989	3,10	Khá	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 23
16	Đào Thị Hồng Linh	30/10/1998	3,06	Khá	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 24
17	Nguyễn Thị Ánh Linh	15/05/1998	3,04	Khá	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 26
18	Trần Ngọc Mỹ Linh	12/04/1998	2,99	Khá	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 27
19	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	02/08/1998	2,95	Khá	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 34
20	Nguyễn Thị Thanh Nhân	09/09/1998	3,06	Khá	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 37
21	Nguyễn Thị Nhân	01/06/1995	3,09	Khá	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 38
22	Lê Uyên Phương	30/11/1981	3,04	Khá	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 41
23	Hồ Nhan Vị Quân	18/06/1993	3,04	Khá	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 42
24	Nguyễn Thị Thanh Tâm	19/12/1991	3,01	Khá	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 43
25	Lê Thị Thanh Thảo	04/05/1997	3,11	Khá	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 45
26	Lê Thị Thương	04/07/1998	3,13	Khá	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 49
27	Châu Thanh Thủy	03/10/1989	3,06	Khá	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 54
28	Phan Thị Kiều Trang	20/08/1996	3,08	Khá	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 56
29	Lê Thị Trang	07/06/1998	3,03	Khá	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 57
30	Trần Thị Phương Trang	25/12/1993	3,00	Khá	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 58
31	Nguyễn Thị Mỹ Trinh	01/01/1995	2,93	Khá	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 60
32	Nguyễn Thị Đăng Trinh	15/01/1993	3,15	Khá	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 61
33	Đỗ Thị Thanh Tùng	28/09/1998	3,09	Khá	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 64

Stt	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
34	Mai Trần Kim Tuyền	19/11/1997	3,13	Khá	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 66
35	Nguyễn Thị Hồng Vy	04/06/1989	3,06	Khá	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 69
36	Trần Thị Yến	06/10/1998	3,09	Khá	2986/QĐ-ĐHĐN ngày 16/9/2019 70

Ấn định danh sách này có **36** (ba mươi sáu) sinh viên, trong đó:

Xếp loại Xuất sắc 0 /36

Xếp loại Giỏi 1 /36

Xếp loại Khá 35 /36

Xếp loại Trung bình 0 /36



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Lưu Trang



DANH SÁCH SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN
(Kèm theo Quyết định số 924 /QĐ - ĐHSP ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hiệu trưởng
Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

Stt	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Nguyễn Thị Kiều	Anh	10/02/1997	3,27	Giỏi	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 1
2	Lê Thị	Cẩm	07/10/1996	3,34	Giỏi	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 2
3	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	28/01/1998	3,24	Giỏi	165/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 4
4	Võ Thị Thanh	Hằng	01/09/1995	3,22	Giỏi	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 3
5	Cao Thị Mỹ	Hạnh	17/09/1993	3,21	Giỏi	165/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 5
6	Huỳnh Thị Khánh	Hậu	20/10/1996	3,22	Giỏi	165/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 6
7	Phạm Thị Thu	Hiền	17/07/1997	3,04	Khá	165/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 7
8	Lê Thị	Hòa	28/01/1993	3,29	Giỏi	165/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 8
9	Hồ Thị	Hương	02/02/1994	3,13	Khá	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 5
10	Nguyễn Thị Thu	Na	22/01/1998	3,18	Khá	165/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 16
11	Trần Thị Bích	Ngân	01/01/1988	3,30	Giỏi	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 7
12	Nguyễn Thị Minh	Nghĩa	29/04/1992	3,32	Giỏi	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 8
13	Hoàng Nguyễn Như	Nguyễn	25/01/1992	3,43	Giỏi	165/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 18
14	Nguyễn Thị Ngọc	Phương	22/12/1996	3,29	Giỏi	165/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 22
15	Trần Diễm	Quỳnh	27/08/1998	3,10	Khá	165/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 23
16	Nguyễn Thị Bích	Thảo	28/04/1997	3,27	Giỏi	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 9
17	Hồ Ngọc	Thảo	12/09/1992	3,12	Khá	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 10
18	Đàm Văn	Thịnh	20/11/1997	3,24	Giỏi	165/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 31
19	Lê Thị Cẩm	Thơ	21/09/1992	3,22	Giỏi	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 11
20	Nguyễn Thị Ngọc	Thu	06/01/1997	3,26	Giỏi	165/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 32
21	Đặng Thị	Thuận	16/02/1996	3,22	Giỏi	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 12
22	Lê Thị Cẩm	Tiên	29/09/1997	3,21	Giỏi	165/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 36
23	Hoàng Nguyễn Ngọc	Toại	02/02/1990	3,52	Giỏi	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 13
24	Nguyễn Hữu	Tuyển	20/12/1983	3,55	Giỏi	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 14
25	Nguyễn Thị	Tuyển	19/10/1996	3,23	Giỏi	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 15
26	Trần Thị Kim	Tuyển	15/07/1995	3,38	Giỏi	165/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 42

An định danh sách này có **26** (hai mươi sáu) sinh viên , trong đó:

Xếp loại Xuất sắc 0 /26

Xếp loại Giỏi 21 /26

Xếp loại Khá 5 /26

Xếp loại Trung bình 0 /26



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Lưu Trang

DANH SÁCH SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN
(Kèm theo Quyết định số 924 /QĐ - ĐHSP ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hiệu trưởng
Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

Stt	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Nguyễn Thị Chí	06/05/1987	3,33	Giỏi	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 3
2	Đinh Thị Thùy Dung	02/02/1999	3,26	Giỏi	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 4
3	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	05/04/1998	3,32	Giỏi	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 5
4	Nguyễn Thị Hạ	12/12/1998	3,43	Giỏi	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 6
5	Nguyễn Thị Thu Lờ	10/05/1996	3,21	Giỏi	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 7
6	Trần Thị Bích Ngân	09/04/1999	3,32	Giỏi	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 8
7	Nguyễn Thị Thiên	10/12/1986	3,39	Giỏi	163/QĐ-ĐHĐN ngày 17/01/2020 12

Ấn định danh sách này có 7 (bảy) sinh viên, trong đó:

Xếp loại Xuất sắc 0 / 7

Xếp loại Giỏi 7 / 7

Xếp loại Khá 0 / 7

Xếp loại Trung bình 0 / 7



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Lưu Trang

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp Đại học và cấp bằng Cử nhân
cho sinh viên khóa tuyển sinh năm 2020
hình thức đào tạo vừa làm vừa học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Căn cứ Nghị định số 32/CP ngày 04/4/1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐĐH ngày 12/7/2021 của Hội đồng Đại học Đà Nẵng về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Đà Nẵng và Nghị quyết số 13/NQ-HĐĐH ngày 07/9/2021 của Hội đồng Đại học Đà Nẵng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-HĐT ngày 08/6/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, kèm theo Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Thông tư 06/2017/TT-BGDĐT ngày 15/3/2017 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy chế đào tạo vừa làm vừa học trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 551/QĐ-ĐHSP ngày 13/5/2022 của Hiệu trưởng Trường ĐHSP-ĐHĐN về việc thành lập Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp đợt tháng 5/2022, trình độ đại học và cao đẳng, hình thức đào tạo vừa làm vừa học;

Căn cứ biên bản họp xét công nhận tốt nghiệp ngày 21/6/2022 của Hội đồng xét và công nhận tốt nghiệp đợt tháng 6/2022, trình độ đại học và cao đẳng, hình thức đào tạo vừa làm vừa học;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp Đại học và cấp bằng Cử nhân cho **93** (chín mươi ba) sinh viên, hình thức đào tạo vừa làm vừa học (văn bằng 2), khóa tuyển sinh năm 2020, cụ thể:

Ngành Giáo dục Tiểu học

- Tại Trung tâm GDTX số 3 - TP. Đà Nẵng Có **49** (bốn mươi chín) sinh viên;
- Tại Trường Đại học Sư phạm Có **44** (bốn mươi bốn) sinh viên.

(có danh sách kèm theo)



Điều 2. Thủ trưởng các đơn vị liên quan và sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 (để thực hiện);
- ĐHĐN (để báo cáo);
- BGH (để biết)
- Lưu: VT, ĐT.



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Lưu Trang



DANH SÁCH SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN
(Kèm theo Quyết định số 325/QĐ-ĐHSP ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hiệu trưởng
Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

Stt	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Trần Thị Thúy	Diễm	31/07/1997	3,18	Khá	3473/QĐ-ĐHĐN ngày 13/10/2020
2	Trần Thị Hồng	Diệp	16/11/1997	3,40	Giỏi	3473/QĐ-ĐHĐN ngày 13/10/2020
3	Đỗ Thị Thùy	Dung	10/12/1995	3,23	Giỏi	3473/QĐ-ĐHĐN ngày 13/10/2020
4	Trần Thị	Dung	01/01/1994	3,17	Khá	3473/QĐ-ĐHĐN ngày 13/10/2020
5	Nguyễn Thị Diệu	Hà	20/09/1996	3,65	Xuất sắc	3473/QĐ-ĐHĐN ngày 13/10/2020
6	Nguyễn Thủy	Hải	03/09/1996	3,31	Giỏi	3473/QĐ-ĐHĐN ngày 13/10/2020
7	Dương Thị Thúy	Hằng	10/02/1989	3,35	Giỏi	3473/QĐ-ĐHĐN ngày 13/10/2020
8	Nguyễn Thu	Hằng	20/02/1995	3,40	Giỏi	3473/QĐ-ĐHĐN ngày 13/10/2020
9	Nguyễn Thị Minh	Hiền	19/04/1991	3,23	Giỏi	3473/QĐ-ĐHĐN ngày 13/10/2020
10	Trần Thị	Hiền	09/12/1991	3,45	Giỏi	3473/QĐ-ĐHĐN ngày 13/10/2020
11	Lê Thị Minh	Hòa	08/02/1995	3,14	Khá	3473/QĐ-ĐHĐN ngày 13/10/2020
12	Phan Hoàng	Hội	12/02/1996	3,06	Khá	3473/QĐ-ĐHĐN ngày 13/10/2020
13	Kiều Thị Minh	Hội	30/04/1994	3,22	Giỏi	3473/QĐ-ĐHĐN ngày 13/10/2020
14	Nguyễn Thị	Huệ	01/01/1979	3,12	Khá	3473/QĐ-ĐHĐN ngày 13/10/2020
15	Đinh Thị	Hùng	16/08/1986	3,29	Giỏi	3473/QĐ-ĐHĐN ngày 13/10/2020
16	Lê Thị	Hương	20/03/1996	3,17	Khá	3473/QĐ-ĐHĐN ngày 13/10/2020
17	Trương Thị Thanh	Liên	02/10/1996	3,34	Giỏi	3473/QĐ-ĐHĐN ngày 13/10/2020
18	Đồng Thị Thùy	Liều	23/10/1993	3,28	Giỏi	3473/QĐ-ĐHĐN ngày 13/10/2020
19	Lê Thị	Lộc	16/12/1997	3,22	Giỏi	3473/QĐ-ĐHĐN ngày 13/10/2020
20	Trần Thị Thoại	Mỹ	03/06/1995	3,38	Giỏi	3473/QĐ-ĐHĐN ngày 13/10/2020
21	Nguyễn Thị	Na	04/01/1996	3,26	Giỏi	3473/QĐ-ĐHĐN ngày 13/10/2020
22	Nguyễn Thị Phạm	Na	07/07/1987	3,37	Giỏi	3473/QĐ-ĐHĐN ngày 13/10/2020
23	Trần Đặng Thị Vi	Na	09/10/1990	3,37	Giỏi	3473/QĐ-ĐHĐN ngày 13/10/2020
24	Hà Thị Hằng	Nga	19/12/1994	3,28	Giỏi	3473/QĐ-ĐHĐN ngày 13/10/2020
25	Nguyễn Thị	Nga	23/01/1991	3,35	Giỏi	3473/QĐ-ĐHĐN ngày 13/10/2020
26	Cao Nguyên Ý	Nhi	25/05/1996	3,29	Giỏi	3473/QĐ-ĐHĐN ngày 13/10/2020
27	Phạm Thị Hồng	Nhung	20/02/1993	3,46	Giỏi	3473/QĐ-ĐHĐN ngày 13/10/2020
28	Nguyễn Thị Minh	Phương	01/06/1996	3,22	Giỏi	3473/QĐ-ĐHĐN ngày 13/10/2020
29	Trần Thị Thanh	Tâm	25/02/1996	3,26	Giỏi	3473/QĐ-ĐHĐN ngày 13/10/2020
30	Lê Nguyễn Linh	Tâm	25/07/1995	3,22	Giỏi	3473/QĐ-ĐHĐN ngày 13/10/2020
31	Thị Thị Hoài	Thanh	13/07/1997	3,23	Giỏi	3473/QĐ-ĐHĐN ngày 13/10/2020
32	Lê Nguyễn Thanh	Thảo	24/12/1995	3,29	Giỏi	3473/QĐ-ĐHĐN ngày 13/10/2020
33	Nguyễn Thị	Thảo	20/08/1996	3,42	Giỏi	3473/QĐ-ĐHĐN ngày 13/10/2020
34	Nguyễn Thị	Thời	03/04/1996	3,55	Giỏi	3473/QĐ-ĐHĐN ngày 13/10/2020



Stt	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
35	Nguyễn Thị Anh Thu	08/06/1990	3,14	Khá	3473/QĐ-ĐHĐN ngày 13/10/2020
36	Lê Thị Hoài Thương	30/03/1988	3,34	Giỏi	3473/QĐ-ĐHĐN ngày 13/10/2020
37	Nguyễn Thị Thanh Thúy	21/10/1995	3,14	Khá	3473/QĐ-ĐHĐN ngày 13/10/2020
38	Lê Thị Thùy	09/05/1995	3,11	Khá	3473/QĐ-ĐHĐN ngày 13/10/2020
39	Nguyễn Thị Tin	13/10/1996	3,25	Giỏi	3473/QĐ-ĐHĐN ngày 13/10/2020
40	Phạm Thị Bích Trâm	26/07/1996	3,42	Giỏi	3473/QĐ-ĐHĐN ngày 13/10/2020
41	Trần Thị Minh Trang	21/07/1998	3,42	Giỏi	3473/QĐ-ĐHĐN ngày 13/10/2020
42	Nguyễn Tố Trinh	07/08/1995	3,14	Khá	3473/QĐ-ĐHĐN ngày 13/10/2020
43	Huỳnh Thị Kiều Trinh	22/11/1994	3,29	Giỏi	3473/QĐ-ĐHĐN ngày 13/10/2020
44	Thân Lê Thị Tú Trinh	24/04/1995	3,31	Giỏi	3473/QĐ-ĐHĐN ngày 13/10/2020
45	Nguyễn Hào Uyên	15/08/1991	3,34	Giỏi	3473/QĐ-ĐHĐN ngày 13/10/2020
46	Hoàng Thị Lê Vân	02/09/1982	3,32	Giỏi	3473/QĐ-ĐHĐN ngày 13/10/2020
47	Nguyễn Thị Khánh Vân	20/07/1990	3,28	Giỏi	3473/QĐ-ĐHĐN ngày 13/10/2020
48	Nguyễn Thị Tường Vi	02/11/1997	3,25	Giỏi	3473/QĐ-ĐHĐN ngày 13/10/2020
49	Nguyễn Thị Hoàng Yến	04/03/1990	3,34	Giỏi	3473/QĐ-ĐHĐN ngày 13/10/2020

Ấn định danh sách này có **49** (bốn mươi chín) sinh viên, trong đó:

Xếp loại Xuất sắc 1 /49
Xếp loại Giỏi 38 /49
Xếp loại Khá 10 /49
Xếp loại Trung bình 0 /49

HIỆU TRƯỞNG

PCS.TS. Lưu Trang

DANH SÁCH SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN
(Kèm theo Quyết định số 925/QĐ-ĐHSP ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hiệu trưởng
Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

Stt	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Huỳnh Thị Vân Anh	02/04/1995	3,46	Giỏi	3473/QĐ-ĐHĐN ngày 13/10/2020
2	Phạm Thị Ngọc Ánh	11/02/1996	3,32	Giỏi	3473/QĐ-ĐHĐN ngày 13/10/2020
3	Tiêu Thị Uyên Châu	06/02/1991	3,20	Giỏi	3473/QĐ-ĐHĐN ngày 13/10/2020
4	Trần Thị Diễm	04/11/1990	3,35	Giỏi	3473/QĐ-ĐHĐN ngày 13/10/2020
5	Nguyễn Thị Diệu	13/02/1982	3,20	Giỏi	3473/QĐ-ĐHĐN ngày 13/10/2020
6	Lê Thị Mỹ Duyên	07/01/1997	3,34	Giỏi	3473/QĐ-ĐHĐN ngày 13/10/2020
7	Hồ Thị Minh Giang	25/01/1996	3,32	Giỏi	3473/QĐ-ĐHĐN ngày 13/10/2020
8	Bùi Thị Hồng Hà	27/02/1993	3,34	Giỏi	3473/QĐ-ĐHĐN ngày 13/10/2020
9	Nguyễn Thị Thu Hiền	02/03/1995	3,22	Giỏi	3473/QĐ-ĐHĐN ngày 13/10/2020
10	Trương Minh Hiếu	11/10/1998	3,45	Giỏi	3473/QĐ-ĐHĐN ngày 13/10/2020
11	Lê Thị Ngọc Hòa	17/02/1997	3,34	Giỏi	3473/QĐ-ĐHĐN ngày 13/10/2020
12	Nguyễn Thị Huế	13/12/1983	3,37	Giỏi	3473/QĐ-ĐHĐN ngày 13/10/2020
13	Lê Thị Liễu	08/01/1990	3,34	Giỏi	3473/QĐ-ĐHĐN ngày 13/10/2020
14	Nguyễn Thúy Linh	04/01/1996	3,42	Giỏi	3473/QĐ-ĐHĐN ngày 13/10/2020
15	Trần Thị Mỹ Linh	16/09/1998	3,15	Khá	3473/QĐ-ĐHĐN ngày 13/10/2020
16	Nguyễn Thị Kim Luyến	01/03/1995	3,20	Giỏi	3473/QĐ-ĐHĐN ngày 13/10/2020
17	Nguyễn Thị Cúc Ly	05/11/1991	3,25	Giỏi	3473/QĐ-ĐHĐN ngày 13/10/2020
18	Lê Thị Ngọc Ngân	17/04/1990	3,26	Giỏi	3473/QĐ-ĐHĐN ngày 13/10/2020
19	Lê Thị Mỹ Ngọc	07/06/1993	3,28	Giỏi	3473/QĐ-ĐHĐN ngày 13/10/2020
20	Trương Thị Hạnh Nguyên	16/06/1998	3,42	Giỏi	3473/QĐ-ĐHĐN ngày 13/10/2020
21	Lê Thị Kim Nhận	13/07/1993	3,49	Giỏi	3473/QĐ-ĐHĐN ngày 13/10/2020
22	Phan Thị Thanh Nhung	12/06/1988	3,28	Giỏi	3473/QĐ-ĐHĐN ngày 13/10/2020
23	Trương Thị Tuyết Oanh	05/01/1994	3,55	Giỏi	3473/QĐ-ĐHĐN ngày 13/10/2020
24	Đỗ Thùy Phương	24/02/1991	3,34	Giỏi	3473/QĐ-ĐHĐN ngày 13/10/2020
25	Trần Thị Phụng	30/05/1993	3,34	Giỏi	3473/QĐ-ĐHĐN ngày 13/10/2020
26	Thân Thị Thu Sang	21/08/1994	3,26	Giỏi	3473/QĐ-ĐHĐN ngày 13/10/2020
27	Ngô Hoàng Thạch Thảo	04/09/1997	3,34	Giỏi	3473/QĐ-ĐHĐN ngày 13/10/2020
28	Lê Thị Phương Thảo	25/02/1989	3,45	Giỏi	3473/QĐ-ĐHĐN ngày 13/10/2020
29	Nguyễn Thị Thiện	17/11/1996	3,35	Giỏi	3473/QĐ-ĐHĐN ngày 13/10/2020
30	Hứa Lê Đan Thịnh	07/05/1996	3,42	Giỏi	3473/QĐ-ĐHĐN ngày 13/10/2020
31	Nguyễn Thị Kim Thu	10/02/1986	3,28	Giỏi	3473/QĐ-ĐHĐN ngày 13/10/2020
32	Nguyễn Thị Thu	02/06/1995	3,49	Giỏi	3473/QĐ-ĐHĐN ngày 13/10/2020
33	Nguyễn Thị Quỳnh Thư	05/07/1985	3,28	Giỏi	3473/QĐ-ĐHĐN ngày 13/10/2020
34	Nguyễn Thị Thuận	02/01/1994	3,29	Giỏi	3473/QĐ-ĐHĐN ngày 13/10/2020



Stt	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
35	Võ Thị Như	Thương	13/07/1993	3,22	Giỏi	3473/QĐ-ĐHĐN ngày 13/10/2020
36	Huỳnh Thị Thanh	Thúy	02/03/1997	3,45	Giỏi	3473/QĐ-ĐHĐN ngày 13/10/2020
37	Nguyễn Thị Thu	Thùy	12/06/1992	3,29	Giỏi	3473/QĐ-ĐHĐN ngày 13/10/2020
38	Trần Thu	Thủy	07/04/1997	3,37	Giỏi	3473/QĐ-ĐHĐN ngày 13/10/2020
39	Nguyễn Thị Thanh	Tiền	22/10/1989	3,48	Giỏi	3473/QĐ-ĐHĐN ngày 13/10/2020
40	Đặng Thị	Trang	19/04/1995	3,54	Giỏi	3473/QĐ-ĐHĐN ngày 13/10/2020
41	Phan Thị Thùy	Trang	03/05/1996	3,29	Giỏi	3473/QĐ-ĐHĐN ngày 13/10/2020
42	Lê Thị Phương	Trinh	22/07/1996	3,26	Giỏi	3473/QĐ-ĐHĐN ngày 13/10/2020
43	Phan Phước	Viện	17/10/1990	3,52	Giỏi	3473/QĐ-ĐHĐN ngày 13/10/2020
44	Hồ Thị Như	Ý	09/02/1991	3,34	Giỏi	3473/QĐ-ĐHĐN ngày 13/10/2020

Ấn định danh sách này có 44 (bốn mươi bốn) sinh viên, trong đó:

Xếp loại Xuất sắc 0 /44

Xếp loại Giỏi 43 /44

Xếp loại Khá 1 /44

Xếp loại Trung bình 0 /44



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Lưu Trang

